

Bản án số: 104/2024/DS-ST.

Ngày 23-9-2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Loan Em.

2. Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trà Thanh T, sinh ngày 01/01/1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Út N, sinh ngày 01/01/1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trà Thanh T trình bày cho rằng vào ngày 08/11/2023, ông có cho ông N vay số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 08/11/2023 đến ngày 09/11/2023, mục đích vay đáo hạn tại Ngân hàng TMCP K, giao nhận tiền vay có làm giấy biên nhận tiền. Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu buộc ông N trả

tiền vay 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 1,66%/tháng tạm tính đến ngày 25/12/2023 là 2.000.000 đồng. Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông N trả tiền vay và tiền lãi thì yêu cầu theo lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày vay đến ngày xét xử là 8.300.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Út N vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Yêu cầu khởi kiện của ông T là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nhưng ông N thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho ông T biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Ông Trà Thanh T yêu cầu ông Nguyễn Văn Út N trả số tiền vay là 100.000.000 đồng, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Tâm giao N1 “Giấy biên nhận tiền” ngày 08/11/2023, họ tên người nhận tiền là Nguyễn Văn Út N, thông tin căn cước công dân, địa chỉ và số tiền giao nhận là 100.000.000 đồng. Xét giấy biên nhận tiền ngày 08/11/2023 do các bên tự lập, không có người làm chứng nhưng tại biên bản xác minh ông Thạch D ngày 29/7/2024 xác nhận chính ông D là người giới thiệu ông N gặp ông T vay tiền và cùng ngày gặp lại thì ông N xác nhận đã nhận tiền vay trả cho Ngân hàng. Đồng thời bà Phạm Ngọc L xác nhận ông Nguyễn Văn Út N có vay tiền của ông T là 100.000.000 đồng, số tiền này ông T vay của bà và khi nhận tiền ông T có yêu cầu bà giao cho ông Út N kiểm tra, địa điểm giao nhận tiền Ngân hàng N2 – chi nhánh huyện T. Từ phân tích trên có căn cứ chứng minh ông N vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 466

Bộ luật dân sự 2015 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...*”. Như vậy, ông N vay tiền không trả đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông T buộc ông N trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Ông T điều chỉnh yêu cầu tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét lãi suất ông T yêu cầu tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 10 tháng, số tiền là 8.300.000 đồng (08/11/2023 – 23/9/2024) là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trà Thanh T, buộc ông Nguyễn Văn Út N có nghĩa vụ trả cho ông Trà Thanh T số tiền 108.300.000 đồng (một trăm tám triệu ba trăm nghìn đồng), gồm vốn vay 100.000.000 đồng và lãi 8.300.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Út N phải chịu là 5.415.000 đồng (năm triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Trà Thanh T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.550.000 đồng theo biên lai thu số 0003866 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai